

Số: 62 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ
lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 – 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4649/TTr-SGDĐT ngày 18/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lưu: VT, TN, HL.



Nguyễn Tấn Tuân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRONG TỈNH KHÁNH HÒA**

(Kèm theo Quyết định số 62 /QĐ-UBND ngày 10/01/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Phê duyệt danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
2.	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
3.	Đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.	Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo
4.	Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1.	Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
5.	Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2.	Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
6.	Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1.	Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo
7.	Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2.	Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo
8.	Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên	Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo

	dùng trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo trong các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.		
9.	Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
10.	Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng I.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
11.	Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
12.	Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng I.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
13.	Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng II.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
14.	Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng I.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
15.	Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng II.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa
16.	Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng I.	Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Phê duyệt danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và danh mục sách giáo khoa được các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.

Bước 2: Trong thời gian 16 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; rà soát báo cáo của các Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn theo quy định; tổng hợp kết quả, lập danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn (kèm theo hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

Bước 3: Trong 5 ngày làm việc, căn cứ vào kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, qua đường Bưu điện hoặc qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản E-office của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- (1) Quyết định thành lập Hội đồng của cơ sở giáo dục;
- (2) Biên bản họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- (3) Danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của cơ sở giáo dục;
- (4) Báo cáo của các Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 21 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện: các cơ sở giáo dục.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt danh mục lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục tại địa phương

h) Lệ phí: không

i) Mẫu đơn: không

k) Yêu cầu, điều kiện: không

l) Căn cứ pháp lý: Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa được các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.

Bước 2: Trong 9 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; rà soát báo cáo của các Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn theo quy định; tổng hợp kết quả, lập danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn (kèm theo hồ sơ điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

Bước 3: Trong 5 ngày làm việc, căn cứ vào kết quả điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, qua đường Bưu điện hoặc qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản E-office của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- (1) Quyết định thành lập Hội đồng của cơ sở giáo dục;
- (2) Biên bản họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- (3) Danh mục sách giáo khoa được điều chỉnh, bổ sung của cơ sở giáo dục;
- (4) Báo cáo của các Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định và danh mục sách giáo khoa được điều chỉnh, bổ sung của các cơ sở giáo dục lựa chọn theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện: các cơ sở giáo dục.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục tại địa phương

h) Lệ phí: không

i) Mẫu đơn: không

k) Yêu cầu, điều kiện: không

l) Căn cứ pháp lý: Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở giáo dục tự đánh giá

+ Hằng năm cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số (có thể lồng ghép vào kế hoạch chung ứng dụng CNTT của cơ sở giáo dục), phân công và giao trách nhiệm thực hiện cụ thể.

+ Thủ trưởng các cơ sở giáo dục phê duyệt kết quả tự đánh giá; báo cáo kết quả đánh giá lên cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp, cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trước ngày 31/5 hằng năm.

Bước 2: Đánh giá ngoài và công nhận kết quả

Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra, đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp; cập nhật kết quả đánh giá trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trước ngày 20/6 hằng năm; công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: trước ngày 20 tháng 6 hằng năm

đ) Đối tượng thực hiện: các cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện: Văn bản công nhận kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

k) Yêu cầu, điều kiện: không

l) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên”.

4. Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở giáo dục tự đánh giá hoạt động thư viện.

Bước 2: Trong 15 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đánh giá và công nhận thư viện đạt mức độ tiêu chuẩn theo một hoặc các phương thức sau:

- Thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện;
- Trực tiếp đánh giá hoạt động tại thư viện;
- Trực tuyến thông qua hệ thống phần mềm xử lý số liệu;

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, qua đường Bưu điện hoặc qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản E-office của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện: Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông)

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giáo dục và Đào tạo.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận thư viện đạt mức độ 1

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

k) Yêu cầu, điều kiện: Tất cả các tiêu chuẩn: Tài nguyên thông tin, cơ sở vật chất, thiết bị chuyên dùng, hoạt động thư viện, quản lý thư viện phải bảo đảm đạt tiêu chuẩn Mức độ 1 theo quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

l) Căn cứ pháp lý: Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

5. Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở giáo dục tự đánh giá hoạt động thư viện.

Bước 2: trong 15 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đánh giá và công nhận thư viện đạt mức độ tiêu chuẩn theo một hoặc các phương thức sau:

- Thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện;
- Trực tiếp đánh giá hoạt động tại thư viện;
- Trực tuyến thông qua hệ thống phần mềm xử lý số liệu;

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, qua đường Bưu điện hoặc qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản E-office của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phố hồ sơ: Báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện: trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông)

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giáo dục và Đào tạo.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận thư viện đạt mức độ 2

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

k) Yêu cầu, điều kiện: Tất cả các tiêu chuẩn: Tài nguyên thông tin, cơ sở vật chất, thiết bị chuyên dùng, hoạt động thư viện, quản lý thư viện phải bảo đảm đạt tiêu chuẩn Mức độ 2 theo quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

l) Căn cứ pháp lý: Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của

Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

6. Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở giáo dục tự đánh giá hoạt động thư viện.

Bước 2: trong 15 ngày làm việc, Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện đánh giá và công nhận thư viện đạt mức độ tiêu chuẩn theo một hoặc các phương thức sau:

- Thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện;
- Trực tiếp đánh giá hoạt động tại thư viện;
- Trực tuyến thông qua hệ thống phần mềm xử lý số liệu;

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, qua đường Bru điện hoặc qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản E-office của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện: Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học cơ sở)

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận thư viện đạt mức độ 1

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

k) Yêu cầu, điều kiện: Tất cả các tiêu chuẩn: Tài nguyên thông tin, cơ sở vật chất, thiết bị chuyên dùng, hoạt động thư viện, quản lý thư viện phải bảo đảm đạt tiêu chuẩn Mức độ 1 theo quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

l) Căn cứ pháp lý: Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và

phổ thông.

7. Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở giáo dục tự đánh giá hoạt động thư viện.

Bước 2: trong 15 ngày làm việc, Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện đánh giá và công nhận thư viện đạt mức độ tiêu chuẩn theo một hoặc các phương thức sau:

- Thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện;
- Trực tiếp đánh giá hoạt động tại thư viện;
- Trực tuyến thông qua hệ thống phần mềm xử lý số liệu;

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, qua đường Bưu điện hoặc qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản E-office của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phố hồ sơ: Báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện: Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học cơ sở)

e) Cơ quan thực hiện:

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Giáo dục và Đào tạo
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận thư viện đạt mức độ 1

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

k) Yêu cầu, điều kiện: Tất cả các tiêu chuẩn: Tài nguyên thông tin, cơ sở vật chất, thiết bị chuyên dùng, hoạt động thư viện, quản lý thư viện phải bảo đảm đạt tiêu chuẩn Mức độ 2 theo quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

l) Căn cứ pháp lý: Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và

phổ thông.

8. Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trong các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở giáo dục xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị của đơn vị.

Bước 2: trong 14 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị cho các cơ sở giáo dục.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, qua đường Bưu điện hoặc qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản E-office của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:* Tờ trình đề nghị Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng (kèm theo danh mục)

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện: Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giáo dục và Đào tạo.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

k) Yêu cầu, điều kiện: không

l) Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

- Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

9. Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Nhận hồ sơ đề nghị xét thăng hạng
- **Bước 2:** Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ
- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định hồ sơ
- **Bước 4:** Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ
- **Bước 5:** Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:* Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển tới đơn vị có giáo viên dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giáo viên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

10. Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng I.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Nhận hồ sơ đề nghị xét thăng hạng
- **Bước 2:** Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ
- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định hồ sơ
- **Bước 4:** Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ
- **Bước 5:** Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- ***Thành phần hồ sơ:*** Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- ***Số lượng hồ sơ:*** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển tới đơn vị có giáo viên dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giáo viên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thăng hạng chức danh

nghề nghiệp.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I (mã số V.07.05.13) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II và tương đương.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

11. Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II.

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Nhận hồ sơ đề nghị xét thăng hạng

- **Bước 2:** Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ

- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định hồ sơ

- **Bước 4:** Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ

- **Bước 5:** Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:* Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển tới đơn vị có giáo viên dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giáo viên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ

tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP..

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

12. Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng I.

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Nhận hồ sơ đề nghị xét thăng hạng
- **Bước 2:** Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ
- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định hồ sơ
- **Bước 4:** Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ
- **Bước 5:** Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:* Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng

văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển tới đơn vị có giáo viên dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giáo viên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình

thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

13. Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Nhận hồ sơ đề nghị xét thăng hạng
- **Bước 2:** Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ
- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định hồ sơ
- **Bước 4:** Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ
- **Bước 5:** Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:* Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng

hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển tới đơn vị có giáo viên dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giáo viên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

14. Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng I.

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Nhận hồ sơ đề nghị xét thăng hạng
- **Bước 2:** Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ
- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định hồ sơ
- **Bước 4:** Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ
- **Bước 5:** Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:* Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số

115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển tới đơn vị có giáo viên dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giáo viên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư Số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

15. Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Nhận hồ sơ đề nghị xét thăng hạng
- **Bước 2:** Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ
- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định hồ sơ
- **Bước 4:** Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ
- **Bước 5:** Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ*: Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển tới đơn vị có giáo viên dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giáo viên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III và tương đương, có 02 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy

định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

16. Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng I.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Nhận hồ sơ đề nghị xét thăng hạng
- **Bước 2:** Thành lập Hội đồng; Ban thẩm định hồ sơ
- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định hồ sơ
- **Bước 4:** Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ
- **Bước 5:** Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Phòng Giáo dục và Đào tạo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- *Thành phần hồ sơ:* Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách giáo viên trúng tuyển tới đơn vị có giáo viên dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giáo viên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

